

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày 18-4-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trương Thị Hương Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vi Thị Ngọc Ánh;

Ông Chu Văn Tiếp.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: bà Âu Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2025/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 01 năm 2025 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 3 năm 2025 và thông báo chuyển ngày xét xử số: 02/TB -TA, ngày 15 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Hùng Văn B, sinh năm 1960; địa chỉ cư trú: khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. *Bị đơn:* bà Lý Thị C, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: ông Đinh Công T – Luật sư thuộc văn phòng luật sư Đinh Công T thuộc Đoàn luật sư tỉnh L; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Hùng Văn B trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: ông kết hôn với bà Lý Thị C trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu trước khi kết hôn khoảng 05 tháng và có đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 28 tháng 11 năm 2019. Sau khi kết hôn, bà Lý Thị C về sống chung cùng gia đình ông tại ngôi nhà ở khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, là tài sản của ông có trước khi kết hôn. Đến năm 2023, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bà Lý Thị C không đồng ý việc ông trả nợ cho con trai riêng, đồng thời gây sự bảo ông chỉ lo cho con riêng, không lo gì cho vợ và yêu cầu ông phải mua xe máy cho bà Lý Thị C. Tiếp theo, đến mừng 2 tết nguyên đán năm 2024, ông đã không chuẩn bị đồ cho bà Lý Thị C đi tết bên ngoại theo phong tục tập quán dẫn đến bà Lý Thị C bực tức, không cùng nấu và ăn cơm cùng gia đình, cứ nằm trên giường xem điện thoại, đến khi gia đình dọn mâm xuống thì bà Lý Thị C lại tự xuống nấu ăn riêng. Nhiều lần như vậy, ông bảo con, cháu không cần mời nữa vì bà Lý Thị C không tôn trọng gia đình, sau đó bà Lý Thị C bỏ đi chơi hết tháng Giêng, không chăm lo cho gia đình. Ông đã nói chuyện với con gái và chị gái để họ cùng là phụ nữ tâm sự với bà Lý Thị C nhưng không có kết quả, mà còn mâu thuẫn thêm với con gái. Đến rằm tháng 7 âm lịch, khi con gái, con rể ông về ăn rằm theo phong tục tập quán nhưng bà Lý Thị C bỏ đi chơi bạn bè đến 10 giờ đêm mới về và kéo dài trong một thời gian, ông đã nhắc nhở nhiều nhưng bà Lý Thị C không thay đổi. Cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể tiếp tục sống chung nên từ 23 tháng Chạp năm 2024, bà Lý Thị C đã tự ý chuyển đi ở nơi khác, do đó ông đã viết đơn khởi kiện ly hôn. Tại phiên tòa, ông Hùng Văn B xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa do ông không còn yêu, không còn thương bà Lý Thị C nên giữ nguyên yêu cầu ly hôn và không đồng ý đoàn tụ hoặc là ly hôn nhưng phải có trách nhiệm dựng cho bà Lý Thị C một ngôi nhà 20m², hay trợ cấp, bồi thường bất kỳ khoản tiền gì cho bà Lý Thị C.

Về con chung: ông và bà Lý Thị C không có con chung.

Về tài sản chung: quá trình chung sống, vợ chồng không tạo dựng được bất kỳ tài sản chung nào, không cho ai vay nợ và vay nợ ai.

Bị đơn bà Lý Thị C trình bày: bà và ông Hùng Văn B được tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn với nhau, chung sống với nhau như ông B trình bày là đúng. Trước khi kết hôn, ông bà không thỏa thuận việc vợ chồng phải chung sống với nhau trọn đời, không được ly hôn hoặc ly hôn thì phải có trách nhiệm với nhau về chỗ ở, bồi thường tuổi già và không có thỏa thuận gì về tài sản. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại nhà riêng của ông B, cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 06 năm thì xảy ra mâu thuẫn nhỏ, nguyên nhân là do ông B không đối xử tốt với bà và bất đồng quan điểm trong việc giải quyết các công việc của gia đình. Về phía bà đã hoàn thành tốt nghĩa vụ người vợ, thường xuyên chăm sóc gia đình, chăm cháu của ông B, nhưng từ tháng 10 năm 2024

duyên lịch, vợ chồng có nhiều bất đồng, ông Hùng Văn B thường xuyên vô cớ gây sự và nhiều lần đuổi bà ra khỏi nhà, những lần đó bà có báo khu phố tuy nhiên các đại diện ban ngành chỉ nói là việc gia đình, để vợ chồng tự giải quyết mà không lập biên bản gì. Sau đó bà vẫn tiếp tục sống tại nhà ông Hùng Văn B nhưng ăn riêng, sinh hoạt riêng vì bà không có tiếng nói trong gia đình, ông B không coi trọng bà như đối với các con riêng, các con của ông Hùng Văn B cũng không tôn trọng bà làm bà cảm thấy chán nản, tủi thân. Bà nhận thấy vợ chồng không hạnh phúc, nhưng tuổi đã già, bản thân không có con và mục đích kết hôn với ông Hùng Văn B để tìm chỗ nương tựa, đồng thời theo phong tục, tập quán tại địa phương, con gái đã đi lấy chồng thì không thể quay về bên ngoại để hưởng tài sản nên bà không đồng ý ly hôn, trường hợp nếu phải ly hôn thì yêu cầu ông B phải dựng cho bà túp lều khoảng 20m² trên đất của gia đình ông B để ở, bà không cung cấp được thông tin thửa đất để làm nhà vì không biết ông B đang ở thửa đất nào. Đối với yêu cầu bồi thường tổn thất tuổi già và chi phí ngày công 200.000 đồng/ngày, bà đã được Tòa án giải thích nên rút yêu cầu.

Về con chung: bà và ông Hùng Văn B không có con chung.

Về tài sản chung: bà Lý Thị C trình bày, vợ chồng không tạo lập được tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, ông B không nhập tài sản riêng là tài sản chung của vợ chồng, bản thân bà không có tài sản gì, không có nghề nghiệp và thu nhập. Khi chung sống, ông B làm bảo vệ, được lương hàng tháng để chi tiêu trong gia đình nên không có tiền tích lũy, do đó xác định vợ chồng không có tài sản chung.

Tại phiên tòa, ông Hùng Văn B không có ý kiến tranh luận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Lý Thị C trình bày ý kiến tranh luận: về quan hệ hôn nhân, các bên đều thừa nhận quá trình tìm hiểu, kết hôn, chung sống và đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn tình cảm. Đối với lý do yêu cầu ly hôn của nguyên đơn đã được bị đơn xác nhận, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết ly hôn theo yêu cầu của một bên. Tuy nhiên, sau ly hôn bị đơn sẽ khó khăn về chỗ ở, căn cứ Điều 63 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định về quyền lưu cư sau ly hôn là 6 tháng, nhưng mâu thuẫn đã xảy ra, ở chung, ra vào cùng một nhà sẽ có nhiều vấn đề phát sinh, do vậy yêu cầu ông Hùng Văn B hỗ trợ, trợ cấp một lần cho bà Lý Thị C tiền thuê nhà 06 tháng và trợ cấp 06 tháng về lương thực, thực phẩm, thuốc men với tổng số tiền là 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng). Bị đơn xin rút yêu cầu ông Hùng Văn B phải xây cho bà Lý Thị C 01 túp lều 20m².

Bị đơn bà Lý Thị C đồng ý với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đã trình bày tại phiên tòa.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký

phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hùng Văn B, cho ông Hùng Văn B được ly hôn với bà Lý Thị C.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung: không có.

Việc bị đơn bà Lý Thị C yêu cầu nguyên đơn phải hỗ trợ, trợ cấp một lần cho bị đơn tiền thuê nhà 06 tháng và trợ cấp 06 tháng về lương thực, thực phẩm, thuốc men số tiền là 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) là không có căn cứ nên không đề nghị xem xét.

Về án phí: căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn ông Hùng Văn B được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Tài liệu do nguyên đơn ông Hùng Văn B cung cấp gồm: đơn khởi kiện; giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); xác nhận thông tin về cư trú số 001212/XN ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Công an thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (bản chính); bản tự khai.

Tài liệu do bị đơn bà Lý Thị C cung cấp gồm: căn cước công dân của bà Lý Thị C (bản sao); đơn xin trình bày ngày 06/12/2024 (bản đánh máy), văn bản không tiêu đề ngày 11/02/2025 và 19/02/2025 của bà Lý Thị C1 (bản viết tay); xác nhận thông tin về cư trú.

Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật tuy nhiên hòa giải không thành do các bên không đạt được thống nhất, thỏa thuận với nhau nên Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: nguyên đơn ông Hùng Văn B khởi kiện về việc ly hôn. Bị đơn bà Lý Thị C có nơi sinh sống, đăng ký thường trú tại khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn do đó Tòa án nhân dân huyện C thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp và phạm vi khởi kiện của vụ án: theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông Hùng Văn B yêu cầu giải quyết tranh chấp về ly hôn, không có con chung, không có tài sản chung. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lý Thị C có nhiều yêu cầu và đã được Tòa án giải thích quyền phản tố trong vụ án tuy nhiên bà Lý Thị C vẫn không thực hiện đúng yêu cầu do vậy phạm vi khởi kiện và quan hệ tranh chấp của vụ án cần giải quyết là “tranh chấp ly hôn” phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về các yêu cầu của bị đơn bà Lý Thị C:

[3.1] Quá trình giải quyết vụ án, bà Lý Thị C yêu cầu bồi thường tổn thất tuổi già và chi phí ngày công 200.000 đồng trong 06 năm bà chung sống với ông Hùng Văn B, tổng số tiền 432.000.000 đồng, tuy nhiên tại phiên họp kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ, bị đơn đã rút yêu cầu do vậy yêu cầu này không được thụ lý, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.2] Sau phiên họp kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ tại Tòa án bà Lý Thị C yêu cầu ông Hùng Văn B chia cho bà 20m² làm một túp lều để ở thuộc diện tích hơn 100m² thuộc khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn mà ông Hùng Văn B mua thời điểm trước khi kết hôn tuy nhiên, bà không nắm rõ cụ thể số thửa, sổ tờ bản đồ nào. Tòa án đã yêu cầu bà cung cấp thông tin, bà có ý kiến sẽ có đơn phản tố và cung cấp thông tin cho Tòa án trước ngày 14/02/2025 tuy nhiên đến ngày 19/02/2025 bà chỉ cung cấp cho Tòa án 01 văn bản không rõ tiêu đề, không rõ các thông tin yêu cầu, quá trình Tòa án lấy lời khai, bà cũng không cung cấp được thông tin thửa đất, bà có ý kiến nếu trường hợp ông Hùng Văn B không đồng ý cắt đất cho bà thì phải thanh toán tương ứng số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), nếu ông Hùng Văn B không trả tiền thì bà không đồng ý ly hôn, không ký bất kỳ văn bản gì về việc giải quyết ly hôn. Do bà Lý Thị C không thực hiện đúng thủ tục nên Tòa án không thụ lý các yêu cầu của bà tuy nhiên phiên tòa hôm nay, bà Lý Thị C rút yêu cầu này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.3] Tại phần tranh luận, bị đơn yêu cầu ông Hùng Văn B phải trợ cấp một lần số tiền 90.000.000 đồng tiền lưu cư và hỗ trợ về lương thực, thực phẩm, thuốc men trong 06 tháng cho bị đơn. Nguyên đơn không chấp nhận vì cho rằng bà Lý Thị C tự ý bỏ nhà đi, chứ không phải ông Hùng Văn B không cho lưu trú. Xét thấy bà Lý Thị C, sinh năm 1971, tại thời điểm xét xử bà C 54 tuổi tuổi, nguyên đơn ông Hùng Văn B, sinh năm 1960, tại thời điểm xét xử 65 tuổi, theo quy định của pháp luật bà Lý Thị C vẫn đang trong độ tuổi lao động, ông Hùng Văn B là người cao tuổi do đó bà Lý Thị C yêu cầu ông Hùng Văn B hỗ trợ về lương thực, thực phẩm, thuốc men trong 06 tháng sau khi ly hôn là không có căn cứ. Đồng thời theo quy định tại Điều 63 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định trường hợp vợ hoặc chồng có khó khăn về chỗ ở thì được quyền lưu cư trong thời hạn 06

tháng kể từ ngày quan hệ hôn nhân chấm dứt, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác, không có quy định về việc quy đổi thành tiền do đó yêu cầu này không có căn cứ. Mặc khác các yêu cầu này của bà Lý Thị C phát sinh tại phiên tòa, vượt quá phạm vi giải quyết của vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về quan hệ hôn nhân: ông Hùng Văn B và bà Lý Thị C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/11/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Q (nay là thị trấn Đ), huyện C, tỉnh Lạng Sơn nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Tuy nhiên từ năm 2024, giữa ông Hùng Văn B và bà Lý Thị C phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng không tôn trọng nhau, cả hai đều thừa nhận không hạnh phúc. Ông Hùng Văn B và bà Lý Thị C đã ly thân từ ngày 23 tháng Chạp năm 2024 (âm lịch) đến nay do mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn tình nghĩa theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình nên ông Hùng Văn B yêu cầu giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình là có căn cứ, cần được chấp nhận, yêu cầu đoàn tụ của bà Lý Thị C là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[5] Về con chung, tài sản chung: ông Hùng Văn B và bà Lý Thị C không có con chung.

[6] Về án phí: nguyên đơn ông Hùng Văn B phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm tuy nhiên do ông Hùng Văn B là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Quan điểm, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp về nội dung của vụ án và án phí là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[8] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 và các Điều 5, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 19, 57, 63 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hùng Văn B. Xử cho ông Hùng Văn B được ly hôn với bà Lý Thị C.

2. Về con chung: không có.

3. Về tài sản chung: không có.

4. Về án phí: ông Hùng Văn B được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: nguyên đơn ông Hùng Văn B, bị đơn bà Lý Thị C có mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND TT Đồng Mỏ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Trương Thị Hương Giang